| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: **155**/2024/DS-ST<br>Ngày: 09 - 9 - 2024<br>*V/v:* "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có****:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Ông Trần Công Danh.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Tôn Hoài Anh Tuyển - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 569/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 969/TB-TA ngày 07 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 1300/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần N**.
Địa chỉ trụ sở: A T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Nguyễn Thanh T** – Chức danh: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Lê Văn L** – Chức vụ: Trưởng phòng Phòng G thuộc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B *(Theo Giấy ủy quyền số 15/UQ-VCB.BHO.LBT ngày 10 tháng 5 năm 2024).*

Địa chỉ liên hệ: 22 đường C, Khu công nghiệp B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm: 1982.
Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Số I, Tổ A, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(ông L có mặt; ông Đ và bà D vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B (VCB) và ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị Kim D ký kết hợp đồng cho vay số 0302.22/48.24-HMTD ngày 19 tháng 12 năm 2022 với nội dung như sau:

+ Số tiền cho vay: 3.800.000.000 đồng.

+ Mục đích vay: Vay kinh doanh.

+ Lãi suất cho vay: Theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ.

+ Lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc quá hạn: Bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn.

+ Thời hạn cho vay là 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

+ Trả lãi vay: Định kỳ vào ngày 26 hàng tháng.

+ Trả gốc: Cuối kỳ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số 14, địa chỉ xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 443213 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 15 tháng 11 năm 2018, cập nhật chủ sở hữu ngày 26 tháng 11 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Kim

D), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0322.20/48.24-TCDAT ngày 26 tháng 11 năm 2020.

Ngân hàng TMCP N đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu Ông Đ, bà D thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo hợp đồng tín dụng số 0302.22/48.24-HMTD ngày 19 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, tính đến nay, Ông Đ, bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng TMCP N.

Do đó, Ngân hàng TMCP N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa:

1. T1 buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền tính từ ngày 30 tháng 3 năm 2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09 tháng 9 năm 2024) là: 4.003.584.742 đồng, trong đó: Nợ gốc: 3.800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 26.624.467 đồng, nợ lãi quá hạn: 176.960.275 đồng).

2. Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0302.22/48.24-HMTD ngày 19 tháng 12 năm 2022, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP N.

3. Trường hợp ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D theo Hợp đồng bảo đảm số 0322.20/48.24-TCDAT ngày 26 tháng 11 năm 2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

5. Yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D chịu trách nhiệm thanh toán án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng.

***Theo bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:***

Bà thống nhất với toàn bộ nội dung của phía nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N trình bày trong Đơn khởi kiện về việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 0302.22/48.24-HMTD ngày 19 tháng 12 năm 2022, Hợp đồng bảo

đảm số 0322.20/48.24-TCDAT ngày 26 tháng 11 năm 2020. Bà đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 16 tháng 6 năm 2024 là 3.910.198.439 đồng.

***Theo biên bản làm việc, bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trình bày:***

Ông Đ thống nhất với toàn bộ ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim D và không có ý kiến hay yêu cầu khác.

***Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật; có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí và chi phí tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về thủ tục tố tụng:

**[1.1]** Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành Đ, địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai và bà Nguyễn Thị Kim D, địa chỉ: Số I, Tổ A, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, trả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N – Chi nhánh B (VCB) và ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị Kim D. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 40, 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 4, 7 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, Ngân hàng Thương mại cổ phần N được xác định là nguyên

đơn, ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**[1.2]** Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2]** Về nội dung tranh chấp:

**[2.1]** Đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc và lãi:

Theo lời khai và các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngân hàng Thương mại cổ phần N và ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị Kim D đã ký kết Hợp đồng cho vay số 0302.22/48.24-HMTD ngày 19 tháng 12 năm 2022 với nội dung như sau: Số tiền cho vay: 3.800.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay kinh doanh; Lãi suất cho vay: Theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ; Lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc quá hạn: Bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn; Thời hạn cho vay là 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Trả lãi vay: Định kỳ vào ngày 26 hàng tháng; Trả gốc: Cuối kỳ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số 14, địa chỉ xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 443213 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 15/11/2018, cập nhật chủ sở hữu ngày 26 tháng 11 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Kim D), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0322.20/48.24-TCDAT ngày 26 tháng 11 năm 2020.

Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông Đ, bà D thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng ông Đ, bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tính gốc và lãi tính từ ngày 30 tháng 3 năm 2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09 tháng 9 năm 2024) là: 4.003.584.742 đồng, trong đó: Nợ gốc: 3.800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 26.624.467 đồng, nợ lãi quá hạn: 176.960.275 đồng).

Và tiền lãi phát sinh đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0302.22/48.24-HMTD ngày 19 tháng 12 năm 2022, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Xét thấy, việc các bên ký kết Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ là tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên phù hợp với các quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn ông Đ, bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ như thỏa thuận giữa các bên. Đồng thời, phía bị đơn ông Đ, bà D cũng thừa nhận việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ và cũng đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Vì vậy, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị Kim D trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tính từ ngày 30 tháng 3 năm 2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09 tháng 9 năm 2024) là: 4.003.584.742 đồng, trong đó: Nợ gốc: 3.800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 26.624.467 đồng, nợ lãi quá hạn: 176.960.275 đồng); tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ đã ký kết từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

**[2.2]** Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông Đ và bà D đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 190, tờ bản đồ số 14, địa chỉ xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 443213 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 15 tháng 11 năm 2018, cập nhật chủ sở hữu ngày 26 tháng 11 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Kim D). Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế quyền sử dụng đất số: 0322.20/48.24-TCDAT ngày 26 tháng 11 năm 2020, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 26 tháng 11 năm 2020.

Xét việc thế chấp tài sản đảm bảo khoản vay giữa các bên là tự nguyện và đúng theo quy định pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên trong trường hợp ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D

không có khả năng thanh toán số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

**[3]** Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) chi phí tố tụng. Do nguyên đơn đã đóng tạm ứng nên buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

**[4]** Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**[5]** Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên cần chấp nhận.

**[6]** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 40, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 4, 99, 100, 103 và 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Các điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N đối với bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền gốc

và lãi tính từ ngày 30 tháng 3 năm 2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09 tháng 9 năm 2024) là: 4.003.584.742đ (bốn tỷ không trăm lẻ ba triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 3.800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 26.624.467 đồng, nợ lãi quá hạn: 176.960.275 đồng.

Tài sản bảo đảm thi hành án là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 190, tờ bản đồ số 14, địa chỉ xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 443213 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 15 tháng 11 năm 2018, cập nhật chủ sở hữu ngày 26 tháng 11 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Kim D). Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0322.20/48.24-TCDAT ngày 26 tháng 11 năm 2020, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 26 tháng 11 năm 2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ đã được ký kết giữa các bên. Trường hợp các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**2.** Về án phí: Ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 112.003.584 đồng (Một trăm mười hai triệu không trăm lẻ ba nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền 54.705.972 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm lẻ năm nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003881 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**3.** Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim D có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) chi phí tố tụng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,

Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**5.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Vũ Bảo**